

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”
tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPĐP ngày 5/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đề cương đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 230/TTr-SNN ngày 16 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đề án: “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 (*Tên tiếng Anh “One commune One product”, viết tắt OCOP*).

2. Đơn vị thực hiện Đề án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Quan điểm, mục tiêu:

3.1. Quan điểm: Chương trình Mỗi xã một sản phẩm là Chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của Chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thực hiện.

3.2. Mục tiêu:

3.2.1. Mục tiêu chung: Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh để sản xuất các sản phẩm truyền thống, sản phẩm dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế nông thôn; thông qua việc phát triển sản xuất tại các địa phương để góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn,

thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý; bảo vệ môi trường, giữ gìn giá trị truyền thống và phát triển xã hội nông thôn bền vững;

3.2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2018-2020:

- Năm 2018 triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn quy trình đăng ký sản phẩm OCOP, hỗ trợ các cơ sở sản xuất hoàn thiện mẫu mã bao bì, logo, tem nhãn 13 sản phẩm đang có thương hiệu trên thị trường.

- Phát triển sản phẩm:

+ Đối với 30 sản phẩm đang được sản xuất tại các địa phương phân đầu đến năm 2020 có 30 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP. Trong đó: Có từ 3 - 5 sản phẩm OCOP hạng 3-5 sao cấp tỉnh/năm được công nhận/chứng nhận;

+ Ngoài ra, mỗi huyện, thành phố trong giai đoạn 2018-2020 phát triển thêm ít nhất 3 sản phẩm mới/huyện.

- Phát triển các tổ chức kinh tế:

+ Củng cố 4 Hợp tác xã (HTX), 8 hiệp hội và 2 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm hiện có.

+ Phát triển mới ít nhất 4 HTX và 2-3 doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia Chương trình OCOP.

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chỉ đạo thực hiện Chương trình OCOP từ tỉnh đến xã và lãnh đạo các HTX, Doanh nghiệp và chủ cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP

b) Giai đoạn 2021-2030:

- Mỗi năm, mỗi huyện, thành phố phát triển thêm từ 1-2 sản phẩm OCOP mới;

- Phát triển mới mỗi năm ít nhất 10 tổ chức kinh tế (*THT, HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa*) và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP.

4. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thực hiện:

4.1. Phạm vi thực hiện:

Lấy địa bàn khu vực nông thôn, cụ thể cấp xã làm đơn vị tổ chức thực hiện, khuyến khích thực hiện Chương trình cả ở khu vực đô thị (*phường, thị trấn*).

4.2. Đối tượng thực hiện:

- Chủ thể thực hiện: Cơ sở sản xuất tư nhân, tổ hợp tác (THT), HTX và các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hàng hóa có đăng ký kinh doanh, đảm bảo an toàn thực phẩm....

- Sản phẩm: Bao gồm các sản phẩm hàng hóa và sản phẩm dịch vụ có nguồn gốc từ địa phương hoặc được thuần hóa và công khai tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm...

4.3. Nguyên tắc thực hiện:

- Tuân thủ chu trình OCOP 6 bước.

- Sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của Chương trình.

5. Nội dung Đề án:

5.1. Triển khai thực hiện và duy trì chu trình OCOP:

Hàng năm Chương trình OCOP sẽ được thực hiện theo một chu trình các bước được phối hợp từ trên xuống và từ dưới lên bao gồm 6 bước: *Bước 1*: Tuyên truyền về Chương trình; *Bước 2*: Nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm; *Bước 3*: Nhận phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh; *Bước 4*: Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; *Bước 5*: Đánh giá và phân hạng sản phẩm; *Bước 6*: Hỗ trợ xúc tiến thương mại giới thiệu sản phẩm.

5.2. Xác định và phát triển sản phẩm, dịch vụ OCOP theo 6 nhóm, bao gồm:

- Thực phẩm: Nông sản tươi sống và nông sản chế biến.
- Đồ uống: Gồm đồ uống có cồn và đồ uống không cồn.
- Thảo dược gồm: Các sản phẩm có thành phần từ cây dược liệu.
- Vải và may mặc: Gồm các sản phẩm làm từ bông, sợi....
- Lưu niệm - nội thất - trang trí: Gồm các sản phẩm từ gỗ, mây tre, gốm sứ, dệt may, sừng ... làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ dùng nhà bếp, đồ nội thất...
- Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng: Gồm các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch tâm linh, du lịch trải nghiệm,

5.3. Triển khai hệ thống quản lý chất lượng và giám sát sản phẩm OCOP:

Đánh giá sản phẩm OCOP của tỉnh được thực hiện theo Bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP thống nhất toàn quốc.

5.4. Đào tạo nguồn nhân lực:

Đối tượng là cán bộ theo dõi Chương trình OCOP từ tỉnh, huyện và xã; cán bộ lãnh đạo, quản lý, phụ trách kinh doanh, kế toán, Lao động trực tiếp tại các doanh nghiệp, Hiệp hội, HTX và hộ sản xuất có sản phẩm tham gia tham gia Chương trình OCOP.

5.5. Công tác xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP:

Các sản phẩm đánh giá đạt tiêu chuẩn từ 3-5 sao cấp tỉnh được hỗ trợ xúc tiến thương mại trên quy mô toàn tỉnh. Các sản phẩm đạt 3-5 sao cấp quốc gia được tham gia các chương trình hỗ trợ xúc tiến cấp quốc gia, các hình thức chủ yếu: Tổ chức các hoạt động quảng cáo, quảng bá sản phẩm; triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng; tổ chức sự kiện hội chợ, triển lãm. Quy hoạch và xây dựng Trung tâm OCOP cấp tỉnh (*Dự kiến 01 trung tâm đặt tại thành phố Phú Lý*).

6. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

6.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình:

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên sâu rộng trên các thông tin đại chúng từ tỉnh, huyện, xã, thôn về mục đích, ý nghĩa của Chương trình để các tầng lớp nhân dân và xã hội thấy được lợi ích, giá trị kinh tế, giá trị nhân văn khi thực hiện Chương trình OCOP; thông qua các hội nghị triển khai, khởi động Chương trình OCOP.

6.2. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và bổ sung nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện Chương trình OCOP của cấp mình, phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách theo lĩnh vực chuyên môn và phụ trách huyện, xã; cơ quan chuyên môn giúp việc: Ở tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ở huyện là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thành phố; ở xã là cán bộ công chức phụ trách nông nghiệp và nông thôn mới.

- Thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP các cấp:

- + Cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo OCOP cấp tỉnh, đại diện các sở, ngành.
- + Cấp huyện: Ban Chỉ đạo OCOP cấp huyện, các phòng, ban có liên quan.

6.3. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách cho Chương trình:

Vận dụng cơ chế, chính sách hiện hành của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển du lịch, khoa học công nghệ, khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại; đào tạo nguồn nhân lực, tín dụng, phát triển sản phẩm, phát triển làng nghề... tích hợp các cơ chế chính sách để hỗ trợ Chương trình, nghiên cứu xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách mới riêng để thực hiện Đề án với các nội dung trọng tâm sau:

a) Chính sách hỗ trợ tín dụng cho sản xuất:

- Các khách hàng vay vốn để đầu tư sản xuất các sản phẩm tham gia OCOP đáp ứng về quy mô, tiêu chí (*theo thẩm định của tổ chức tín dụng quy định*) được hỗ trợ 50% lãi suất vay các tổ chức tín dụng (*trong hạn*) trong thời gian 12 tháng của số tiền vay cho 01 cơ sở sản xuất không quá 1.000,0 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Riêng đối với các Hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP được vay vốn theo Quyết định số 222/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.

b) Chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm:

- Đối với nhãn hiệu tập thể: Được hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu công nghiệp theo các dự án khoa học công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Đối với nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam: Mỗi hộ gia đình sản xuất sản phẩm tham gia Chương trình OCOP được hỗ trợ kinh phí xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp tối đa không quá 15 triệu đồng/01 nhãn hiệu.

- Hỗ trợ tư vấn xây dựng logo, nhãn hiệu sản phẩm theo Kế hoạch số 1733/KH-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hỗ trợ xây dựng hồ sơ công bố chất lượng, mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc hệ thống nhận diện thương hiệu:

- Hỗ trợ xây dựng hồ sơ công bố chất lượng và đăng ký mã số mã vạch: Mỗi sản phẩm OCOP được hỗ trợ 1 lần chi phí xây dựng hồ sơ công bố chất lượng (*bao gồm cả phân tích chất lượng*) và đăng ký mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/sản phẩm. Riêng đối với sản phẩm chứng nhận VietGap hỗ trợ theo Kế hoạch số 1381/KH-UBND ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí in ấn bao bì, tem điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Mỗi sản phẩm OCOP được hỗ trợ 1 lần chi phí in ấn bao bì và mua tem điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm là 250 đồng/sản phẩm trong thời gian 6 tháng hoặc 50% chi phí mua máy in, máy tính kết nối Internet, chi phí quản lý QR code/cơ sở, mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

d) Chính sách hỗ trợ sản phẩm OCOP tham gia hội chợ trong nước:

Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ triển lãm trong nước đối với các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/cơ sở tham gia/lần.

e) Chính sách thưởng cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao:

Các tổ chức, cá nhân có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP đạt tiêu chuẩn: Hạng 5 sao (90-100 điểm) thưởng 15 triệu đồng/sản phẩm, hạng 4 sao (70-89 điểm) thưởng 10 triệu đồng/sản phẩm, hạng 3 sao (50-69 điểm) thưởng 05 triệu đồng/sản phẩm.

6.4. Xây dựng hệ thống tư vấn, đối tác hỗ trợ thực hiện Chương trình:

- Hệ thống tư vấn hỗ trợ: Gồm các cơ quan quản lý Chương trình các cấp, trọng tâm là cấp huyện; mời các chuyên gia, pháp nhân có kinh nghiệm và năng lực tư vấn toàn diện các hoạt động của Chương trình OCOP.

- Hệ thống đối tác Chương trình OCOP: Gồm các doanh nghiệp tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP; nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của OCOP ở các tổ chức KHHCN các cấp; các hiệp hội chuyên ngành; các tổ chức, doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại, đài phát thanh, truyền hình...

6.5. Huy động các nguồn lực tài chính thực hiện:

- Nguồn lực từ cộng đồng: Huy động nguồn lực từ các tổ chức (HTX, THT, doanh nghiệp), cá nhân (hộ gia đình...) có đăng ký sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP bao gồm: tiền, đất đai, sức lao động, nguyên vật liệu..., phù hợp với các quy định của pháp luật, được huy động trong quá trình hình thành các tổ chức OCOP, dưới dạng góp vốn; triển khai các hoạt động theo chu trình OCOP thường niên...

- Huy động nguồn lực tín dụng từ các tổ chức tín dụng hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia Chương trình OCOP.

- Nguồn ngân sách Nhà nước: Ngân sách hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất; các nguồn vốn ngân sách lồng ghép khác, thông qua chính sách hỗ trợ cộng đồng đầu tư sản xuất, tổ chức dịch vụ thực hiện Chương trình OCOP.

7. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2018-2020 dự kiến: 25,0 tỷ đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng), trong đó:

- Vốn cộng đồng, doanh nghiệp, HTX và xã hội hóa: 17,2 tỷ đồng, chiếm 69%;

- Vốn ngân sách hỗ trợ một phần: 7,8 tỷ đồng, chiếm 31% từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, khuyến công, khuyến nông, các nguồn vốn lồng ghép của Trung ương và địa phương (tỉnh, huyện, xã).

8. Tổ chức thực hiện:

8.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện Đề án, chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án, thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Điều phối nông thôn mới và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8.2. Sở Công thương:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất các sản phẩm thuộc Sở Công thương quản lý. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các sản phẩm lưu thông trên thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

8.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, tham mưu bố trí kế hoạch vốn Chương trình nông thôn mới, vốn lồng ghép các chương trình dự án hàng năm cho Chương trình OCOP.

8.4. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Đề án; hướng dẫn các đơn vị thanh quyết toán theo quy định.

8.5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản phẩm. Hỗ trợ xây dựng tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa và Dự án xây dựng, phát triển nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm chương trình OCOP.

8.6. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ và làm thủ tục đăng ký công bố chất lượng sản phẩm, hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm. Hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm hoàn thiện hồ sơ và các thủ tục tự công bố đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu.

8.7. Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch:

Chủ trì, nghiên cứu, hỗ trợ các tổ chức, nhóm cộng đồng phát triển sản phẩm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, quảng bá các hình ảnh về bản sắc văn hóa, sản phẩm của Đề án trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch.

8.8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

Chủ trì hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương triển khai đào tạo nguồn nhân lực nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các sản phẩm OCOP.

8.9. Sở Thông tin- Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động tuyên truyền về Chương trình OCOP. Lồng ghép các hoạt động của ngành với thực hiện Chương trình OCOP.

8.10. Sở Tài Nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc hướng dẫn, quản lý và giám sát các hoạt động liên quan đến môi trường tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các khu du lịch, dịch vụ... sản phẩm OCOP. Hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch khu sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu phục vụ sản phẩm OCOP

8.11. Các sở, ban, ngành liên quan:

Lồng ghép các hoạt động của ngành phục vụ thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn toàn tỉnh, ưu tiên bố trí nguồn lực chi các hoạt động liên quan trong quá trình thực hiện Đề án.

8.12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội:

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, thành viên tích cực tham gia Chương trình OCOP, chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong Chương trình OCOP.

8.13. Đối với các huyện, thành phố và các xã:

- Xây dựng kế hoạch, quản lý hoạt động cho các bộ phận, cá nhân thuộc hệ thống tổ chức OCOP cùng cấp; Tiếp nhận và lựa chọn ý tưởng, phương án sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình OCOP; Ban hành và tổ chức triển khai các chính sách hỗ trợ; phân bổ, điều chỉnh các nguồn lực thực hiện; Tuyên truyền về OCOP qua hệ thống của mình; Tổ chức đánh giá sản phẩm cấp huyện để chọn sản phẩm thi cấp tỉnh.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn, đồng thời rà soát những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

8.14. Các tổ chức kinh tế (Doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình, hiệp hội):

Tìm kiếm, phát hiện những sản phẩm tiềm năng của quê hương; Quyết định lựa chọn và phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, lập và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, chế biến đảm bảo các sản phẩm có chất lượng tốt nhất theo đúng quy chuẩn đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Điều 2. Các Sở, ngành, địa phương có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đạt hiệu quả, đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BCĐ TW các Chương trình MTQGXDNTM;
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - Văn phòng Điều phối TWCTMTQGXDNTM;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Như điều 3;
 - VPUB: LĐVP, NN;
 - Lưu VT.
- C-NN/2018



Trương Minh Hiến